

LD VIETSOVPEIRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/07/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM+RP1	7:25	15+6	0+0		13+9	0+0	
2		TD5+SAVR	7:25	18+3	0+0		13+7	0+0	
3		BK19+BK21+VSP02	7:25	0+0+21	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 2 bk19- bk21
4		AMD+TD3+MRM	7:25	3+11+6	0+0+0		0+16+6	0+0+0	
5		Thor	7:25	18	0		19	0	puma
6		RP1+RP3	9:25	14+8	0+0		13+9	0+0	
7		TD5+RP2	9:25	6+16	0+0		2+18	0+0	
8		RP3	9:25	22	0		22	0	
9		RCDM+MRM	9:25	7+10	0+0		5+13	0+0	
10		RC5+RC4+RC6	11:25	12+5+5	0+0+0		8+6+8	0+0+0	
11		RC4+VSP02+RP1	11:25	2+10+10	0+0+0		0+10+12	0+0+0	chuyen 2 RC4- RP1
12		Thor	11:25	18	0		19	0	

TPBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/07/2025		TO: MRM - RP1			AIRCRAFT: 406			ETD: 07:35		
FLIGHT: 1		FROM: VT			CREW: VTHANG - N.ANH - TOAN			ETA: 09:25		
CAM-1										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ HOANG LONG	MRM	41-42	2	17			101	DMC-MI	Vietnamese
2	TRẦN QUỐC THẮNG	MRM	43-44	2	16			59	DMC-MI	Vietnamese
3	KIMAKOVSKII MAKSIM	MRM	48	1	9			90	AMNGR	Russian
4	STARUNOV DENIS	MRM	50-51	2	20			106	AMNGR	Russian
5	MOLODYKH MIKHAIL	MRM	52	1	7			88	AMNGR	Russian
6	ZHURAVLEV ANATOLII	MRM	55	1	8			78	AMNGR	Russian
7	TROIANOV DMITRII	MRM				1	23	81	AMNGR	Russian
8	EGOROV MAKSIM	MRM	45-46	2	10			65	AMNGR	Russian
9	KARNIUKHIN VITALII	MRM	39	1	16			67	AMNGR	Russian
10	BREZHNEV ARTEM	MRM	53	1	13			75	AMNGR	Russian
11	NGUYỄN HÙNG QUẢN	MRM	47	1	8			73	D-HANH	Vietnamese
12	SADOVNICHENKO DMITRII	MRM	49	1	14			105	KHOAN	Russian
13	NGUYỄN THANH HIỆU	MRM	57-59	3	15			83	KHOAN	Vietnamese
14	MIKHALEV ALEKSANDR	MRM	54	1	7			85	AMNGR	Russian
15	LE HOAI THIEN	MRM	56	1	18			77	DVL	Vietnamese
16	KOROGHLUYEV R	RP1	63	1	5			75	KH-THAC	Russian
17	HUYNH VAN THUẬN	RP1	86-87	2	15			68	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN NGUYỄN XUÂN AN	RP1	64	1	12			71	KH-THAC	Vietnamese
19	PHƯƠNG VĂN MINH	RP1	89-90	2	7			76	KH-THAC	Vietnamese
20	LY XUÂN TRUNG	RP1	88	1	5			64	YTE	Vietnamese
21	PHẠM DUY CHUNG	RP1	85	1	2			66	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	MRM	15	1.233	20	178	1	23	13		
2	RP1	6	420	8	46	0	0	9		
TOTAL		21	1.653	28	224	1	23	22		
WEIGHT KG			1.653		224		23			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Nghiem Viet Anh



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/07/2025	TO: TD5 - SAVR	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐỨC - THÔNG - THÔNG	ETA: 09:40
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐOÀN MẠNH CƯỜNG	TD5	72	1	11			70	SEAMAP	Vietnamese
2	NGUYỄN THỰC TRINH	TD5	73	1	9			64	SEAMAP	Vietnamese
3	ĐẶNG VĂN HỒN	TD5	70-71	2	20			86	KHOAN	Vietnamese
4	SHMAKOV ALEXANDER	TD5	54	1	8			80	KHOAN	Russian
5	VÕ SĨ HOÀI THANH	TD5	60-61	2	9	7	129	62	KHOAN	Vietnamese
6	PODKATILIN A.N***	TD5	55	1	8			84	KHOAN	Russian
7	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	64	1	3	4	75	92	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN THUẬN	TD5	58	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NGA	TD5	66	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HOÀNH VỤ	TD5	69	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
11	HOÀNG NGỌC DANH	TD5	59	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ HOÀNG BẢO AN	TD5	62	1	12			71	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	63	1	17			85	KHOAN	Vietnamese
14	LUƠNG MINH PHỤNG	TD5	65	1	11			60	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN TUỆ	TD5	68	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ NGHĨA TÀI	TD5	67	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VIỆT PHƯƠNG	TD5	56-57	2	11			68	YTE	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN VỊNH	SAVR	92	1	13			88	XN ĐỊA V	Vietnamese
19	MAI VĂN DƯƠNG	SAVR	93	1	12			86	XN ĐỊA V	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HIỆU	SAVR	91	1	14			88	XN ĐỊA V	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	17	1.238	20	154	11	204	13		
2	SAVR	3	262	3	39	0	0	7		
TOTAL		20	1.500	23	193	11	204	20		
WEIGHT KG			1.500		193		204			

GRAND TOAL: 1.897 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/07/2025	TO: BK19 - BK21 - VSP02	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - HUY	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	YANDYAN EDUARD	VSP02	04-05	2	18			80	KH-THAC	Russian
2	ĐỖ QUANG HÙNG	VSP02	12-13	2	17			70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN HIỆP	VSP02	21	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH TRƯỜNG PHI	VSP02	27	1	9	3	55	74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN GIA LONG	VSP02	10	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	06	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	08	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRONG TÂN	VSP02	19	1	7			90	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	01	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
10	TATARINOV SERGEI	VSP02	14	1	9			80	ANTOAN	Russian
11	NGUYỄN THANH LÊ	VSP02	07	1	5			65	YTE	Vietnamese
12	HỒ BÌNH TRỌNG	VSP02	25-26	2	9			65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HOANG LONG	VSP02	15	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	20	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ ĐỨC TRI	VSP02	17	1	7			60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ CÔNG HUY	VSP02	03	1	8			62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02	09	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN THUY	VSP02	16	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	11	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ XUÂN HÙNG	VSP02	18	1	7			61	KH-THAC	Vietnamese
21	HOÀNG NGỌC ĐÔNG	VSP02	02	1	8			81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK19	0	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 02 PAX BK19 SANG BK21
2	BK21	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	VSP02	21	1.482	24	153	3	55	22		
TOTAL		21	1.482	24	153	3	55	22		
WEIGHT KG			1.482		153		55			

GRAND TOAL: 1.690 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/07/2025	TO: AMD - TD3 - MRM	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - N.CƯƠNG - VŨ	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN TỈNH	AMD	36-37	2	17	2	22	77	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN MINH TUNG	AMD	38	1	13	1	16	77	CODIEN	Vietnamese
3	CAO XUÂN DŨNG	AMD	35	1	13			68	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN HOÀNG NAM	TD3	44-45	2	8			77	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH BÌNH	TD3	57	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ SỸ HUNG	TD3	50	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
7	BUI VĂN NGHĨA	TD3	58	1	6			79	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN TUẤN	TD3	43	1	3			75	KHOAN	Vietnamese
9	DƯƠNG HOÀNG LONG	TD3	46-47	2	11	1	20	67	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH NHAN	TD3	51-52	2	5			72	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HAI 81	TD3	48-49	2	12			58	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH HOÀNG	TD3	55-56	2	20			84	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ NGỌC KỶ	TD3	53-54	2	12			56	XAYLAP	Vietnamese
14	VŨ MẠNH DŨNG	TD3	59	1	8			71	PSV	Vietnamese
15	KONDRATIUK KIRILL	MRM	07-08	2	12			75	AMNGR	Russian
16	SEME NOV VASILII	MRM	09-10	2	9			82	AMNGR	Russian
17	VANEEV ALEKSANDR	MRM	11	1	13			88	AMNGR	Russian
18	STEPANOV OLEG	MRM	13	1	6			104	AMNGR	Russian
19	RULEV SEMEN	MRM	14	1	16			113	AMNGR	Russian
20	TSVETKOV OLEG	MRM	12	1	17			121	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	3	222	4	43	3	38	0		
2	TD3	11	775	17	96	1	20	16		
3	MRM	6	583	8	73	0	0	6		
TOTAL		20	1.580	29	212	4	58	22		
WEIGHT KG			1.580		212		58			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/07/2025	TO: THOR	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:45
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: ATUÁN - VLINH	ETA: 09:35
NAU-1			

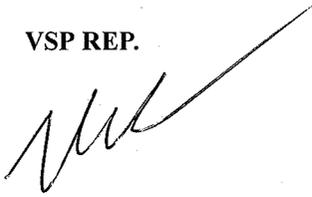
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ANDREW STUTLEY	THOR	34-35	2	13			93	BORR DRIL	Australian
2	MARK MAXIM	THOR	39	1	15			74	BORR DRIL	Indian
3	ADRIANO BAN	THOR	37-38	2	16			102	BORR DRIL	Croatian
4	TO BUU DAN	THOR	41	1	6			68	BORR DRIL	Vietnamese
5	NGUYEN LY TRUONG SON	THOR	50-51	2	14			60	BORR DRIL	Vietnamese
6	DONG VAN TOAN	THOR	48	1	6			66	BORR DRIL	Vietnamese
7	LE CONG HAI	THOR	16	1	5			58	BORR DRIL	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN DONG	THOR	33	1	6			67	BORR DRIL	Vietnamese
9	BUI HUY TIEN	THOR	43	1	5			55	BORR DRIL	Vietnamese
10	VU THANH CONG	THOR	52	1	4			68	BORR DRIL	Vietnamese
11	LE NGOC HUNG	THOR	42	1	6			72	BORR DRIL	Vietnamese
12	LE VAN NGUYEN	THOR	47	1	5			75	BORR DRIL	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC LE	THOR	49	1	5			67	BORR DRIL	Vietnamese
14	NGUYEN VAN XUYEN	THOR	36	1	2			73	BORR DRIL	Vietnamese
15	NGUYEN DUC TUOI	THOR	40	1	8			81	BORR DRIL	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TIEN	THOR	44	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG QUOC VIET	THOR	53	1	9			66	BORR DRIL	Vietnamese
18	HERMANTO WISNU	THOR	45-46	2	10			71	BORR DRIL	Indonesian
19	LE TRUNG SON	THOR	54	1	7			73	DHANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	THOR	19	1.365	23	147	0	0	19		
TOTAL		19	1.365	23	147	0	0	19		
WEIGHT KG			1.365		147		0			

GRAND TOAL: 1.512 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/07/2025	TO: RP1 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - N.ANH - TOAN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN QUANG TÙNG	RP1						76	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN CÔNG TOAN	RP1	69	1	11			85	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VĂN TRƯỜNG	RP1	74	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	76	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
5	LUƠNG THỂ HẠI	RP1	75	1	12			68	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	71	1	6			83	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	77	1	7			90	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN LỢI	RP1	56	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN THANH CÔNG	RP1						59	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN BA QUY	RP1	80	1	6	2	23	70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP1	72	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH NGỌC	RP1	68	1	5			100	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ĐỨC THIỆN	RP1	70	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
14	TAO QUANG NGAN	RP1	73	1	11			66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH TRUNG	RP3	50	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG CÔNG THỊNH	RP3	55	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM HỮU THẮNG	RP3	56-57	2	12			89	KH-THAC	Vietnamese
18	MAI NGỌC THIẾT	RP3	53	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM QUANG TRUNG	RP3	58	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH NAM	RP3	52	1	9	6	100	70	KH-THAC	Vietnamese
21	LUƠNG QUANG THƯỜNG	RP3	51	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH NAM	RP3	54	1	5			80	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	14	1.043	12	86	2	23	13		
2	RP3	8	603	9	56	6	100	9		
TOTAL		22	1.646	21	142	8	123	22		
WEIGHT KG			1.646		142		123			

GRAND TOAL: 1.911 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Nghĩa Việt Anh



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/07/2025	TO: TD5 - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - HUY	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ QUANG TUYỀN	TD5	88	1	7	3	13	95	KH-THAC	Vietnamese
2	TÔ CÔNG TẠNH	TD5	87	1	3	5	90	62	PSV	Vietnamese
3	PHẠM XUÂN HAI	TD5	86	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
4	VĂN TUẤN DUNG	TD5	85,9	2	9			66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TUAN	TD5	89	1	6			66	VTB	Vietnamese
6	HACINI ABDELHAMID	RP2	79-80	2	15			67	THIEN NAM	Algeria
7	HAMZA REDJAI	RP2	81-82	2	20			124	THIEN NAM	Algeria
8	BUI NGUYEN TRUNG HAU	RP2	83-84	2	11			58	THIEN NAM	Vietnamese
9	PHAN THANH TÂM	RP2	78	1	6			54	THIEN NAM	Vietnamese
10	NGUYEN NGHIA TUAN	RP2	65-66	2	9			73	THIEN NAM	Vietnamese
11	TRẦN ĐẶC LŨU	RP2	67-68	2	10			67	THIEN NAM	Vietnamese
12	LE MINH THUẬN	RP2	72	1	12			55	THIEN NAM	Vietnamese
13	NGUYEN VIET TU	RP2	71	1	8			62	THIEN NAM	Vietnamese
14	HOANG VAN TUNG	RP2	73-74	2	9			61	THIEN NAM	Vietnamese
15	ĐẶNG NGỌC TUYỀN	RP2	63	1	5			54	THIEN NAM	Vietnamese
16	NGUYEN ĐỨC MẠNH	RP2	75	1	14			52	THIEN NAM	Vietnamese
17	KHÔNG VĂN LINH	RP2	77	1	10			59	THIEN NAM	Vietnamese
18	ĐẶNG VĂN CƯỜNG	RP2	76	1	9			58	THIEN NAM	Vietnamese
19	HOANG VAN BANG	RP2	64	1	9			74	THIEN NAM	Vietnamese
20	HỒ ĐỨC KHAI	RP2	62	1	6			70	THIEN NAM	Vietnamese
21	DIỆP PHÚ THANH	RP2	69-70	2	15			76	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	5	360	6	31	8	103	2		
2	RP2	16	1.064	23	168	0	0	19		
TOTAL		21	1.424	29	199	8	103	21		
WEIGHT KG			1.424		199		103			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/07/2025	TO: RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HUNG - N.CU'ONG - VU	ETA: 11:50
VANG-2			

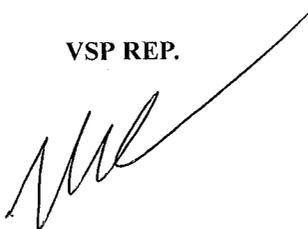
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE XUAN VIET ANH	RP3	69-70	2	7			72	KHI	Vietnamese
2	VU VAN SON	RP3	16	1	4			57	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC CUONG	RP3	18-19	2	18			72	KHI	Vietnamese
4	HUYNH NGOC BICH	RP3	24	1	9			73	YTE	Vietnamese
5	LE NGOC ANH	RP3	66-67	2	12			72	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM NGUYEN HAI DUONG	RP3	35-36	2	14	4	43	85	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN ANH DUNG	RP3	33-34	2	17			63	KH-THAC	Vietnamese
8	DO DUY TIEN	RP3	68	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN THANH CONG	RP3	28	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VAN HIEN	RP3	32	1	3			56	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TU HAI	RP3	29	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
12	LE DUC HUY	RP3	17	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
13	VU THANH LONG	RP3	21-22	2	10			84	KH-THAC	Vietnamese
14	LE DUC OANH	RP3						65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRUONG VAN THUONG	RP3	25-26	2	8			61	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN PHUOC LOC	RP3	20	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG HAI	RP3	31	1	3			85	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM THE PHONG	RP3	23	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN THANH HOAI	RP3	27	1	4			106	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN DUC THANH	RP3	65	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN CONG	RP3	30	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG XUAN HUNG	RP3						69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

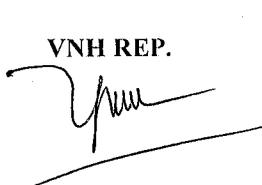
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	22	1.572	27	153	4	43	22		
TOTAL		22	1.572	27	153	4	43	22		
WEIGHT KG			1.572		153		43			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

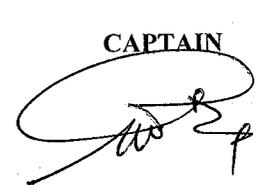
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/07/2025	TO: RCDM - MRM	AIRCRAFT: 614	ETD: 10:05
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: ATUÁN - VLINH	ETA: 11:55
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN DUY HUNG	RCDM	63-64	2	11			74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN QUY	RCDM	62	1	12			82	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VAN CONG	RCDM	69-70	2	15			82	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HOANG THÔNG	RCDM	67-68	2	17			83	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN THUY	RCDM	60-61	2	15			61	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGỌC DŨNG	RCDM	66	1	9			60	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HUAN	RCDM	65	1	5			72	PSV	Vietnamese
8	KICHEV ALEXEY	MRM	62-63	2	9			79	AMNGR	Russian
9	TYSYACHNIK ALEXANDR	MRM	64-65	2	17			87	AMNGR	Russian
10	MANAKOV DENIS	MRM	60-61	2	13			87	AMNGR	Russian
11	BEKESHEV TROLBEK	MRM	66-67	2	17			72	AMNGR	Russian
12	KURSHEV SERGEI	MRM	73	1	10			76	AMNGR	Russian
13	ROIK NIKOLAI	MRM	72	1	11			84	AMNGR	Russian
14	KOVALENKO ARTUR	MRM	70-71	2	16			77	AMNGR	Russian
15	SPIRIN VASILII	MRM	68-69	2	14			92	AMNGR	Russian
16	NGUYEN HUU TAN	MRM	75	1	9			56	AMNGR	Vietnamese
17	PHẠM VĂN AN	MRM	74	1	6			70	AMNGR	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RCDM	7	514	11	84	0	0	5		
2	MRM	10	780	16	122	0	0	13		
TOTAL		17	1.294	27	206	0	0	18		
WEIGHT KG			1.294		206		0			

GRAND TOAL: 1.500 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/07/2025	TO: RC4 - VSP02 - RP1	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: VTHANG - CHIEN - TOAN	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN TIEN HUY	RC4	26	1	12			84	KH-THAC	Vietnamese
2	MAI VAN TUONG	RC4	27	1	4			67	PSV	Vietnamese
3	PHAM ĐỨC TAI	VSP02	28	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRỌNG CUONG	VSP02	38	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN MINH TUAN THINH	VSP02	35-36	2	6			104	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN QUANG	VSP02	34	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI MINH QUAN	VSP02	33	1	12			75	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH THẾ ANH	VSP02	31	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUANG HUNG	VSP02	37	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN PHÚ	VSP02	32	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN CHIẾN THẮNG	VSP02	30	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	29	1	8			81	KH-THAC	Vietnamese
13	LE THANH DUNG	RP1	89-90	2	14			88	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM MẠNH HẢI	RP1	86	1	12			64	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH HIẾN	RP1	82	1	10	1	13	78	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH DŨNG	RP1	84-85	2	16			77	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN HOANG TRUNG	RP1	78-80	3	18			74	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH TUNG	RP1	81	1	12	1	3	75	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN HUY HOANG	RP1	76-77	2	17			71	NIPI	Vietnamese
20	ĐẠO HẢI NAM	RP1	75	1	8			71	NIPI	Vietnamese
21	ĐINH QUỐC TRƯỞNG	RP1	87	1	8			78	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN AI	RP1	88	1	5			53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC4	2	151	2	16	0	0	0 + 2	CHUYEN 2 PAX RC4-RP1	
2	VSP02	10	753	11	65	0	0	10		
3	RP1	10	729	15	120	2	16	12		
TOTAL		22	1.633	28	201	2	16	22		
WEIGHT KG			1.633		201		16			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

[Signature]
Nguyen Thuan Ha

VNH REP.

[Signature]

CAPTAIN

[Signature]
Đỗ Văn Chiến



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/07/2025	TO: RC5 - RC4 - RC6	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - HUY	ETA: 14:00
xanh-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KURPASOV	RC5						78	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN THAI QUAN	RC5	71-72	2	17	3	15	63	XAYLAP	Vietnamese
3	TRINH VAN TIEN	RC5	63	1	5	1	12	78	KH-THAC	Vietnamese
4	TRINH PHUONG QUY	RC5	70	1	7	2	20	58	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN TRUNG	RC5	64-65	2	12			82	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM HOANG TUNG	RC5	76	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
7	HÔ QUANG HIỆP	RC5	59-60	2	10			65	DK9	Vietnamese
8	NGUYEN CONG AN	RC5	66	1	9			73	XAYLAP	Vietnamese
9	NGÔ ĐÌNH NHẬT MINH	RC5	68-69	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG TRUNG	RC5	73	1	18			66	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN MANH LINH	RC5	74-75	2	19			78	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐOÀN THANH TRƯỞNG	RC5	61	1	3			53	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN VIET THANH	RC4	40	1	12			73	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VAN TUNG	RC4				4	30	79	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG MINH DUNG	RC4						74	KH-THAC	Vietnamese
16	LE HAI ANH	RC4	31	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO QUYẾT THẮNG	RC4	30	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
18	LE VAN TOAN	RC6	44	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN TÙNG	RC6	55	1	2			63	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN GIÁP TUẤT	RC6	58	1	6	1	10	72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC LINH	RC6	51	1	10	2	10	67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN KIEM BAC	RC6	56-57	2	18			75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC5	12	837	16	127	6	47	8		
2	RC4	5	366	3	24	4	30	6		
3	RC6	5	350	6	41	3	20	8		
TOTAL		22	1.553	25	192	13	97	22		
WEIGHT KG			1.553		192		97			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

 M. Phuc Hoa

VNH REP.

 Đinh Thị Hoa

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/07/2025	TO: THOR	AIRCRAFT: 614	ETD: 12:25
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: ATUÁN - VLINH	ETA: 14:15
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DANG THANH TU	THOR	65	1	9			62	BORR DRIL	Vietnamese
2	NGUYEN HUU HIEP	THOR	70	1	4			67	BORR DRIL	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG MINH	THOR	58	1	8			87	BORR DRIL	Vietnamese
4	PHAM CONG BANG	THOR	69	1	5			53	BORR DRIL	Vietnamese
5	TRUONG TIN	THOR	57	1	7	4	70	68	BORR DRIL	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC CHIEN	THOR	59-60	2	12			82	BORR DRIL	Vietnamese
7	DUONG TUAN ANH	THOR	74-75	2	15	1	10	61	BORR DRIL	Vietnamese
8	DO DUC QUY	THOR	73	1	5			87	BORR DRIL	Vietnamese
9	NGUYEN VAN QUYEN	THOR	63-64	2	12			72	BORR DRIL	Vietnamese
10	TRAN THANH PHUONG	THOR	72	1	13			79	BORR DRIL	Vietnamese
11	DO DUC NGOC	THOR	71	1	10			72	BORR DRIL	Vietnamese
12	LE TUNG PHONG	THOR	66	1	9			64	BORR DRIL	Vietnamese
13	CAO VAN THANG	THOR	68	1	13			66	BORR DRIL	Vietnamese
14	PHAN NGOC TIEN	THOR	67	1	7			62	VSP DVL	Vietnamese
15	TRANG NGOC HUNG	THOR	61	1	14			66	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN DUY	THOR	62	1	7			65	BORR DRIL	Vietnamese
17	VO THANH DOAN	THOR	55-56	2	12			67	BAKER HU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	THOR	17	1.180	21	162	5	80	19		
	TOTAL	17	1.180	21	162	5	80	19		
	WEIGHT KG		1.180		162		80			

GRAND TOAL: 1.422 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN